Tiếng Việt Nam

年　月　日　　なまえ 名前 Namae

A chủ đề chơi
テーマ えらび
テーマ 選び
Teema erabi

1 xin bạn vui lòng xem mục lục . Bạn muốn học về chủ đề nào thì【　】chọn hãy đánh số vào chủ đề
目次を見て下さい。これから勉強したいテーマを【　　】こ選びましょう。
トピックの番号を書いてください。

2 bạn có hứng thú như thế nào về chủ đề mà mình đã chọn
1 một chút 2 bình thường 3 rất hứng thú hãy chọn 1 trong 3 đáp án và đánh dấu O
自分が選んだトピックにどれくらい興味ありますか。
　　1 少し　2 まあまあ　3 とても
から一つ選んで、○を書きましょう。

3 bạn nghĩ sao về độ khó về chủ đề mà mình đã chọn
1 dễ 2 hơi dễ 3 hơi khó 4 rất khó hãy chọn 1 trong những đáp án và đánh dấu O
自分が選んだトピックは今、どれくらい難しいですか。
　　1 簡単　2 少し簡単　3 少し難しい　4 とても難しい
から一つ選んで、○を書きましょう。

1 mã số chủ đề トピック番号	2 hứng thú 興 味	3 độ khó むずかしさ
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4
	1 － 2 － 3	1 － 2 － 3 － 4

Tiếng Việt Nam

年　月　日

なまえ
名前
Namae

B

chuẩn bị bài diễn thuyết
スピーチ の じゅんび
スピーチ の 準備
Supiichi no junbi

1 để chuẩn bị cho bài diễn thuyết tuần sau . Hãy nhìn vào tờ giấy worksheet , vừa nói chuyện với người
来週のスピーチのための準備をします。今までのワークシートを見て、学習支援者と話しながら、これまで勉強したことを思い出しましょう。スピーチしたいトピックを選んで、話したいことをメモしましょう。

2 hãy viết bằng tiếng nhật hay vẽ tranh về những điều mình muốn nói vào 1 tờ giấy to
自分が伝えたいことを大きな紙に日本語で書いたり、絵を描いたりしましょう。

3 nếu mà có thời gian thì hãy luyện tập bài diễn thuyết . Để có một bài diễn thuyết tốt thì hãy viết ra những điểm cần lưu ý
時間があったら、スピーチの練習をしましょう。よいスピーチのために気をつけることをメモしましょう。

4 hãy nhìn vào tờ worksheet . Hãy viết những từ và câu mà bạn muốn nhớ
今日のワークシートを見てください。覚えたいことばや文を選んで書きましょう。

5 bạn cảm thấy thế nào về lớp học ngày hôm nay ? Hãy viết nó ra bằng những từ bạn hiểu
今日のクラスはどうでしたか？ 自分の分かることばで書きましょう。

Tiếng Việt Nam

年　　月　　日

なまえ
名前
Namae

C

diễn thuyết và lặp lại
スピーチ と ふりかえり
Supiichi to furikaeri

1 hãy cùng nhau diễn thuyết nào .
Hãy nghe bài diễn thuyết của người khác . Và hãy ghi chép lại những gì mì nh hiểu hay những từ vựng mà mình muốn nhớ
スピーチをしましょう。他の人の
スピーチを聞いて、分かったことや、
覚えたいことばをメモしましょう。

2 hãy ghi chép những lời bình luận của người khác về bài diễn thuyết của bạn
自分のスピーチについて他の人の
コメントをメモしましょう。

3 hãy nhìn vào tờ worksheet .
Hãy viết những từ và câu mà bạn muốn nhớ
今日のワークシートを見てください。
覚えたいことばや文を選んで書きましょう。

4 bạn cảm thấy thế nào về lớp học ngày hôm nay ? Hãy viết ra bằng những từ bạn hiểu
今日のクラスはどうでしたか？
自分の分かることばで書きましょう。

Tiếng Việt Nam

年　月　日

なまえ
名前
Namae

D

lặp lai sự học tập
がくしゅう の ふりかえり
学習 の ふりかえり
Gakushuu no furikaeri

1 hãy nhìn vào dòng đầu tiên của chủ đề . Trong việc học những cái tốt ◎, những cái khó △ , muốn học nhiều hơn nữa về cái nào ☆
トピックの一覧を見てください。勉強してよかったものに◎、難しかったものに△、
もっと勉強したいものに☆を書きましょう。

2 hãy chọn 4 từ mà bạn cảm thấy quan trọng khi đã học ở lớp này hoặc là những từ mà bạn đã nhớ
このクラスで勉強したことばや覚えたことばの中で、自分にとって大切だと思うものを
4つ選びましょう。

(　　)　(　　)

(　　)　(　　)

3 những điều đã nói ở mục 2 thì hãy nói chuyện với người khác , những từ mà người khác đã học hoặc
2について他の人と話しましょう。
他の人の勉強したことばや覚えたことばで
自分も覚えたいことばがあったら
メモしましょう。

4 hãy nhìn vào tờ worksheet ngày hôm nay . Những từ hoặc câu nào muốn nhớ thì hãy viết ra
今日のワークシートを見てください。
覚えたいことばや文を選んで書きましょう。

5 bạn cảm thấy thế nào về lớp học ngày hôm nay ? Hãy viết ra bằng những từ bạn hiểu
今日のクラスはどうでしたか？ 自分の分かることばで書きましょう。

Tiếng Việt Nam

年　　月　　日

なまえ
名前
Namae

E

những cái muốn học từ giờ trở đi
これから べんきょう したい こと
これから 勉強 したい こと
Korekara benkyoo shitai koto

1 [ví dụ về những hoạt động trong cuộc sống] từ 1-10 , thì có việc gì khó khăn trong việc diễn đạt bằng tiếng nhật không? ngoài ra , còn muốn học gì nữa không
「生活上の行為の事例」1～10の中で、今、日本語で困っていることはありますか？
また、これから勉強したいことはありますか？

2 trong mục**1** thì hãy chọn ra 3 thứ muốn học
① đến 1 lúc nào đó ② muốn học ở đâu
1 の中から勉強することを3つ選びましょう。
①いつまでに、②どこで、勉強したいですか？

những vấn đề muốn học 勉強したいこと	①đến 1 lúc nào đó いつまで？	②ở đâu どこで？

3 hãy nhìn vào tờ worksheet .
Hãy viết những từ và câu mà bạn muốn nhớ
今日のワークシートを見てください。
覚えたいことばや文を選んで書きましょう。

4 bạn cảm thấy thế nào về lớp học ngày hôm nay ? Hãy viết ra bằng những từ bạn hiểu
今日のクラスはどうでしたか？
自分の分かることばで書きましょう。